

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

淨土大經解演義

Tập 197

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

Thời gian: 05.04.2010

Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội

Chuyển ngữ: Minh Tiến

Giáo chánh & nhuận văn: Huệ Trang, Đức Phong và Như Hòa

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang thứ hai trăm ba mươi ba, hàng thứ bảy, xem từ chữ “*súc sanh*”.

“*Súc sanh, tân dịch vi bàng sanh, chỉ bàng hành chi sanh loại. Tân Tỳ Bà Sa Luận vân: Kỳ hình bàng, cố hành diệc bàng, dĩ hành bàng, cố hình diệc bàng. Thị cố danh bàng sanh. Bàng giả, hoành dã*” (Chữ “*súc sanh*” tân dịch¹ là “*bàng sanh*”, ngụ ý: Các loài sanh vật có thân hình nằm ngang. Tân Tỳ Bà Sa Luận nói: “Do thân hình chúng nằm ngang nên cũng đi ngang. Hoặc do đi ngang, nên thân hình cũng nằm ngang”. Vì vậy, chúng được gọi là “*bàng sanh*”. “*Bàng*” có nghĩa là nằm ngang). Nói đơn giản thì có nghĩa là: Bàng (傍) là bất chánh; tâm không chánh trực thì kẻ đó hành xử bất chánh, cho nên đọa vào loài súc sanh. Tâm hạnh đốn chánh, sẽ sanh trong cõi trời và cõi người. Tâm hạnh bất chánh, sẽ đọa vào cõi súc sanh. Trong những kẻ tạo tội Ngũ Nghịch Thập Ác, đây là những kẻ tạo tội nhẹ nhất, nhẹ hơn kẻ [tạo tội] đọa ngạ quỷ, nên mới xếp sau ngạ quỷ. Trong kinh văn, [có trích dẫn lời] Tân Tỳ Bà Sa Luận² nói rất hay: Hình trạng của chúng, “*hình*” (形) là nói đến hình trạng, hình trạng của chúng (súc sanh) chẳng chánh đáng. Trong kinh giáo và trong giáo huấn của thánh nhân đều nhắc

¹ Tân Dịch: Cách dịch kinh theo phong cách của ngài Huyền Trang, đối lập với Cựu Dịch là cách dịch kinh theo phong cách của pháp sư Cưu Ma La Thập. Ngài Huyền Trang chủ trương bám sát nguyên bản, không bỏ bớt chữ nào dù kinh văn rườm rà đến cách mấy. Ngài La Thập chủ trương dịch thoát ý, chỉ gạn lọc lấy ý chính.

² Tân Tỳ Bà Sa Luận là bản dịch Tỳ Bà Sa Luận của ngài Huyền Trang, gọi là Tân nhằm phân biệt với bản dịch trước đó của các vị Phù Đà Đạt Ma và Đạo Thái dưới thời Bắc Lương. Bản cựu dịch gồm 100 quyển, nay chỉ còn sót lại 60 quyển. Bản dịch của ngài Huyền Trang gồm 200 quyển. Tỳ Bà Sa (Vibhāṣā) có nghĩa là chú giải (còn dịch là Quảng Giải, Khái Yếu, Khái Luận, Thắng Thuyết, Quảng Thuyết v.v...). Tên gọi đầy đủ của Tỳ Bà Sa Luận là A Tỳ Đạt Ma Đại Tỳ Bà Sa Luận, như vậy Tỳ Bà Sa Luận chính là tác phẩm nghị luận nhằm giải thích những ý nghĩa chánh yếu trong Luận Tạng. Sách này được viết ra để chú giải bộ Phát Trí Luận (Jñāna-prasthāna) của ngài Ca Chiên Diên Ni Tử thuộc truyền thống Nhất Thiết Hữu Bộ. Theo truyền thống, bộ luận này thường được xem là do các vị Thi Đà Bàn Ni, Đạt Tất và Bể La Ni hợp soạn.

tới oai nghi của chư thiên, súc sanh đạo và nạ quỷ đạo không có oai nghi. Nói thông tục một chút, oai nghi thuộc về lễ tiết, bọn chúng (súc sanh và nạ quỷ) không hiểu lễ tiết. Nếu con người thiếu lễ độ, không hiểu lễ tiết, chẳng có tâm yêu thương, không có [ý niệm] “suy từ mình mà nghĩ đến người khác”, thì gọi là “tâm hạnh không đốn chánh”. Trong “tham, sân, si”, không đốn chánh thuộc về ngu si; do đó, ngu si chiêu cảm cõi súc sanh. Đó là nghiệp nhân của súc sanh. Tâm hạnh lệch lạc, tà vạy, tà tri, tà kiến, chúng ta thường nói là “làm xằng, làm quấy”; đó là nghiệp nhân của súc sanh. Tiếp đó nói tới hành vi, hành vi của chúng cũng không đốn chánh. Do tâm hạnh bất chánh, nên hành vi bất chánh, nên gọi là “bàng sanh”.

Sách Hội Sớ nói: “*Thử đạo biến tại chư xứ, phi mao, đơi giác, lân giáp, vũ mao, tứ túc, đa túc, hữu túc, vô túc*” (Loài này có mặt khắp nơi, đeo lông, đội sừng, vảy, mai, lông mao, lông vũ, bốn chân, nhiều chân, có chân, không chân), đây là nói hình dáng của loài súc sanh, chúng nó sống ở đâu? Khắp nơi đều có thể trông thấy chúng, dưới nước, trên mặt đất, bay trên không trung, đều có thể trông thấy. “*Đeo lông, đội sừng*” là loài thú. Loài có vảy, có mai là loài sống dưới nước; Trên mặt đất cũng có loài có mai, có vảy (thí dụ như rùa, rắn). Loài có lông mao, lông vũ là loài chim bay trên không trung. Loài có bốn chân, loài có nhiều chân đều là những loài chúng ta thường thấy; còn có loài không chân, có loài có chân, [thí dụ như] rắn là loài không chân. Trong loài rắn, có rất nhiều loại khác nhau. Do đó, “*thủy, lục, không hành, hổ tương thôn đạm, thọ khổ vô lượng*” (sống dưới nước, trên mặt đất, bay trên không, ăn nuốt lẫn nhau, chịu khổ vô lượng). Sách Phụ Hoàng Ký³ nói: “*Tác trung phẩm Ngũ Nghịch Thập Ác giả cảm chi*” (tạo Ngũ Nghịch Thập Ác bậc trung cảm lấy quả này). Trong phần trước, chúng tôi đã có nói: Loài súc sanh đáng lẽ xếp vào [kẻ tạo tội Thập Ác] hạ phẩm, có lẽ sách đã viết sai ở chỗ này. Sách xếp nạ quỷ vào hạ phẩm, xếp súc sanh vào trung phẩm. Tạo tội Ngũ Nghịch Thập Ác cảm lấy quả báo này, tội của kẻ đọa súc sanh nhẹ hơn kẻ đọa nạ quỷ. Trong cái nhân, tuy không có tâm hại chúng sanh, nhưng tâm hạnh của họ bất thiện, nên cảm quả báo như vậy.

Đoạn kế tiếp đặc biệt giới thiệu Diêm La Vương Giới, chúng ta thường gọi là vua Diêm La. Đây là điện thứ năm trong Thập Điện Diêm Vương, tức Ngũ Điện Diêm La Vương. Ngài cai quản địa ngục, nên đặc biệt giới thiệu Ngài ở đây. “*Diễm Ma La Giới giả, chỉ Diễm Ma La Vương chi thế giới*” (Diễm Ma La Giới là chỉ thế giới của vua Diễm Ma La - Yamaraja). Chúng ta nên biết: Bất luận cõi nào trong lục đạo, chúng ta đều đã từng sanh trong đó. Lại còn chắc chắn là không phải chỉ một lần, mà là rất nhiều lần; đời này sanh trong cõi người, vừa đầu thai làm người liền quên tuốt những chuyện

³ Tác phẩm này có tên gọi đầy đủ là Tứ Giáo Nghi Chú Vựng Bồ Phụ Hoàng Ký gồm mười quyển. Tác phẩm này thoát đầu do ngài Đệ Quán ghi chép những lời dạy của tổ Trí Giả về giáo nghĩa Tứ Giáo (Tạng, Thông, Biệt, Viên), sau đó được ngài Mông Nhuận chú giải, tỳ-kheo Thanh Tịnh bổ sung thêm những lời giải thích, nên gọi là Phụ Hoàng Ký.

đời trước. Nếu có thể biết chuyện đời trước, đời này chúng ta sẽ không làm chuyện xấu ác nữa. Vì sao? Đã chịu khổ đau quá nhiều! Vì mê hoặc, vì mê khi cách âm, “*cách âm*” (隔陰) là sanh tử. Lúc chết đau khổ, mà lúc sanh ra cũng khổ. Sự khổ đau kịch liệt ấy khiến cho chúng ta mất trí nhớ, chẳng thể nhớ chuyện đời trước. Nhưng hiện thời người ngoại quốc lẫn người Trung Quốc cũng có một phương pháp, dùng thuật thôi miên có thể khiến cho người ta nhớ lại đời trước. Đây là dùng sức của con người để giúp đỡ, chẳng phải là Phật, Bồ Tát gia trì, cũng chẳng phải là quỷ thần gia trì, mà do sức người giúp đỡ, nên quý vị có thể nhớ lại chuyện đời quá khứ, có thể thuật lại những chuyện đời trước. Cảnh giới trong lúc bị thôi miên giống như nằm mộng, nhưng không phải là mộng, kể lại rất rõ ràng, họ dùng máy thu âm thu lại những chuyện ấy, đợi khi quý vị tỉnh lại, cho quý vị nghe lời chính mình đã nói trong lúc bị thôi miên, nói chuyện một đời trước, hai đời, ba đời, bốn đời trước. Chúng tôi đã nghe báo cáo một bà được thôi miên có thể nhớ lại chuyện mấy chục đời về trước, hơn bốn ngàn năm về trước, muốn nhớ chuyện bảy chục, tám chục đời trước đúng là chẳng dễ! Những chuyện thôi miên sâu như vậy tương đối rất ít gặp, nhưng đôi lúc cũng có, đều là tùy thuộc duyên phận!

Tiếp đó, sách giới thiệu “*Diêm Ma La, hựu tác Viêm Ma*” (Diêm Ma La còn được phiên âm là Viêm Ma). Mấy danh xưng [được liệt kê] kế tiếp cho đến “*Diêm Ma La v.v...*”, đều là các cách phiên âm khác nhau, nhưng đều có cùng một nghĩa. Chữ này có nghĩa là “*dịch vi Phước, phước tội nhân chi nghĩa*” (dịch là Phước, nghĩa là trói buộc tội nhân), giống như dùng dây thừng trói tội nhân lại, có ý nghĩa như vậy. “*Diêm Ma La Vương, nghĩa dịch vi Bình Đẳng Vương*” (Diêm Ma La Vương dịch nghĩa là Bình Đẳng Vương). Đây là Ngũ Điện Diêm Vương, tức Bình Đẳng Vương, Diêm La có nghĩa là Bình Đẳng. “*Thử vương đẵng lục*” (Vị vua này ghi chép, [xử đoán]), những tư tưởng, lời nói, hành động thiện hay ác của chúng sanh trên thế gian này đều được ghi chép lại. Sau khi [người đó] đã chết, Ngài sẽ dựa trên tâm hạnh thiện hay bất thiện của kẻ đó để phán xử. Thiện có thiện quả, ác có ác báo, nên nói “*trị lý thế gian sanh tử tội phước chi nghiệp*” ([vua Diêm La] quản trị cai quản cái nghiệp sanh tử, tội phước của thế gian), Ngài cai quản chuyện này. Ngài rất công bằng, chẳng xử oan quý vị, nhất định dựa trên tâm hạnh trước kia của quý vị để phán xử. Quý vị có thiện hạnh, Ngài sẽ đưa quý vị đến cõi trời. Cõi trời có rất nhiều tầng, [tùy thuộc] thiện hạnh của quý vị to hay nhỏ, sẽ được đưa đến tầng trời thích hợp. Nếu quý vị tạo tội nghiệp, phạm làm lỗi, tội cũng có các mức độ khác nhau, phải đáng nên đọa trong địa ngục nào? Nói thật ra, đó là để tiêu nghiệp cho quý vị. Cõi trời để tiêu thiện nghiệp, tạo thiện nghiệp sẽ hưởng phước, cho quý vị hưởng phước để tiêu thiện nghiệp. Cõi địa ngục là nơi hứng chịu khổ báo, [thọ khổ] sẽ tiêu ác nghiệp. Do vậy, chúng ta thật sự hiểu rõ sự việc trong lục đạo rốt cuộc là như thế nào. [Chúng ta phải] đừng tạo nghiệp! Chẳng tạo nghiệp sẽ không thọ quả báo, như vậy thì mới tốt. Không tạo nghiệp thì đi đâu? Không tạo nghiệp sẽ vượt thoát lục đạo.

Do đó, ở đây, chúng ta có thể hiểu lục đạo là gì? Trong lục đạo, đã tạo nghiệp trong cõi người, bèn sanh trong tam thiện đạo và tam ác đạo để tiêu nghiệp. Trong khi tiêu nghiệp, lại tạo thêm nghiệp mới, đặc biệt là ở cõi người, cõi người là cõi thiện, vừa tiêu nghiệp lại tạo nghiệp; cõi trời tiêu nghiệp nhiều, tạo nghiệp ít; cõi súc sanh, ngạ quỷ tiêu ác nghiệp nhiều, tạo nghiệp cũng ít; cõi địa ngục hoàn toàn tiêu nghiệp, chẳng tạo nghiệp. Do đó, sau khi tiêu nghiệp xong, họ sanh trở lại trong nhân gian. Khi đó, nếu gặp thiện tri thức, nếu họ may mắn gặp Tịnh Tông, sẽ có thể vượt thoát lục đạo, vượt thoát mười pháp giới, cơ duyên này vô cùng khó có. Ai có thể gặp được? Nay chúng ta đã gặp được, phải biết đó là chuyện may mắn khôn sánh! Thân người khó được, chúng ta đã được làm thân người; Phật pháp khó được nghe, chúng ta đã được nghe Phật pháp; đặc biệt là pháp môn thù thắng khôn sánh trong Phật pháp, chúng ta đã được gặp. Đã gặp mà còn làm những chuyện để bị kẹt lại trong lục đạo hay sao? Ở đây, chỉ nói sơ lược trạng huống trong lục đạo mà thôi, nếu nói cặn kẽ sẽ nói không hết. Chúng tôi có soạn một cuốn sách mang tựa đề là Chư Kinh Phật Thuyết Địa Ngục Tập Yếu. Nếu giảng kỹ cuốn kinh ấy từ đầu tới cuối phải mất mấy năm, sẽ là một khóa học rất dài. Học xong, sẽ có lợi ích to lớn. Lợi ích ấy chính là chẳng dám khởi ác niệm nữa. Ác niệm còn không dám khởi, đương nhiên sẽ không dám tạo ác nghiệp, chắc chắn như vậy. Quý vị sẽ mong vượt thoát luân hồi, mong vượt thoát mười pháp giới. Trong mười pháp giới, lục đạo khổ lắm, lục đạo là uế độ. Tội thiếu cũng phải sanh trong tứ thánh pháp giới, đó là Tịnh Độ trong thế gian. Trong đó, có tạo nghiệp hay không? Chỉ tạo nghiệp nhẹ! Chẳng ở trong lục đạo nữa, vĩnh viễn thoát khỏi lục đạo. Con người chẳng thể không giác ngộ!

Vua Diêm La cai quản nghiệp sanh tử tội phước của thế gian, “*chủ thủ địa ngục, bát hàn, bát nhiệt, cập kỳ quyển thuộc chư tiểu ngục đấng*” (làm chúa địa ngục, tám ngục nóng, tám ngục lạnh và các tiểu địa ngục quyển thuộc v.v...). Trong phần trước, chúng ta đã đọc thấy những nơi ấy đều do Ngài cai quản. Tám đại địa ngục nóng, tám địa ngục lạnh, tiểu địa ngục, kể cả mười sáu du tăng địa ngục, còn có cô độc địa ngục, đều do Ngài cai quản. “*Quyết đoán thiện ác, dịch sử quỷ tốt, u ngũ thú trung, truy nhiếp tội nhân, chúy khảo trị phạt, cánh vô hưu tức*” (quyết đoán thiện ác, sai sử quỷ tốt truy bắt tội nhân trong năm đường, tra khảo, trừng phạt chẳng lúc nào ngơi), mấy câu này nói về chức trách của vua Diêm La. Vì vậy, quỷ thần, [tức là] những vị thần trong quỷ đạo đều công bằng, chánh trực. Tại sao lại đến làm thần trong quỷ đạo? Họ có duyên với cõi quỷ. Phật chẳng độ chúng sanh thiếu duyên! Cùng một đạo lý, bất cứ một người nào trong lục đạo nếu không có duyên, dầu ở ngay trước mặt cũng không gặp gỡ. Vì vậy, duyên rất quan trọng. Nhà Phật nói nhân, duyên, và quả, đặc biệt xem trọng duyên; nhà Phật chẳng nói Nhân Sanh, mà nói Duyên Sanh, trong đó có đạo lý sâu xa. Nói tới Nhân thì trong A Lại Da Thức của mỗi chúng sanh đều có đầy đủ hạt giống (chủng tử) của các pháp thế gian và pháp xuất thế gian. Pháp nào dấy lên hiện hành cũng đều phải nhờ vào duyên. Nếu không có duyên, tuy có hạt giống, vẫn chẳng thể dấy lên hiện hành.

Bồ Tát hiểu đạo lý này; do vậy, phạm những duyên bất thiện, họ sẽ xa lìa, nên quả báo bất thiện vĩnh viễn chẳng hiện hành. Chúng ta đã hiểu, bèn có thể học theo Bồ Tát. Từ vô thi kiếp trong quá khứ, chúng ta đã tạo rất nhiều nhân ác, đời này khi chưa gặp Phật pháp, cũng tạo không ít nhân ác, có thể nào chẳng có quả báo ư? Không thể nào! Có nghiệp nhân bèn nhất định có nghiệp báo. Muốn những nhân ác ấy chẳng khởi quả ác, biện pháp duy nhất là chúng ta không tạo duyên ác, xa lìa duyên ác. [Được như vậy thì] hạt giống ác sẽ không thể hiện hành. Vậy thì chúng ta tạo gì? Nay tôi nghĩ mỗi vị đồng học đều biết: Chúng ta phải tạo duyên A Di Đà Phật. Trong A Lại Da Thức của chúng ta có nhân của A Di Đà Phật, nay dốc hết tâm lực để tạo duyên A Di Đà Phật, tạo duyên ấy ra sao? Đại Thế Chí Bồ Tát đã dạy: “*Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai nhất định thấy Phật*”. Thấy Phật là quả, còn nhân là hai câu đầu: “*Nhớ Phật, niệm Phật*”. “*Nhớ Phật*” là tâm thường nghĩ tới A Di Đà Phật, [“*niệm Phật*” là] miệng thường niệm A Di Đà Phật. “*Nhớ Phật, niệm Phật*” là nhân, “*nhất định thấy Phật*” là quả. Lời này vô cùng khẳng định, khiến cho người nghe chẳng có mảy may nghi ngờ, đó là thật, chẳng giả.

Trong thời gian gần đây, chúng ta thường nghe nói tai nạn rất nhiều. Lúc trước, nói thật ra, một năm trước, chẳng lâu lắm, trong nhiều trường hợp, chúng tôi chẳng nghe có ai nói đến về tai nạn, nhưng nội trong năm nay, hình như đây là một chủ đề thường được đưa ra để bàn luận. Chúng ta hãy suy nghĩ cặn kẽ, ngày càng cảm thấy mức độ nghiêm trọng của vấn đề này. Tai nạn do đâu mà có? Đức Phật biết, đệ tử Phật chúng ta biết. Đức Phật biết là do Ngài có công phu định lực, có trí huệ. Chúng ta biết là nhờ Phật dạy. Trong kinh, đức Phật thường nói, chúng ta nghe đức Phật dạy mới biết. Đức Phật dạy: “*Hết thấy các pháp sanh từ tâm tướng*”. Kinh Hoa Nghiêm nói hết thấy các pháp đều do “*duy tâm hiện, duy thức biến*”. Chữ Tâm và Thức trong câu ấy đều có nghĩa là “tâm”. Tâm là chân tâm, Thức là vọng tâm. Vọng tâm chẳng lìa chân tâm. Nói tóm lại, hết thấy các pháp chẳng lìa Tâm. Vì sao tâm biến thành hết thấy các pháp? Tâm động liền biến thành hết thấy các pháp, tâm không động thì hết thấy các pháp đều chẳng còn. Chữ “*động*” này là “*ba động*” (波動, dao động). Các khoa học gia hiện thời cũng đã chứng minh vạn sự vạn vật trong vũ trụ thật ra đều là các hiện tượng dao động. Do đó, khoa học đề ra một lý luận “*dây đàn*”, giống như các nhạc khí thuộc bộ dây, họ nêu ra lý luận về hiện tượng dao động.

Hiện thời, tai nạn đang xảy đến. Tai nạn biến hiện như thế nào? Nhất định là do dao động bất thường, chẳng bình thường, cũng có thể nói là một thứ dao động trái nghịch lẽ thường. Dao động bình thường sẽ tương ứng với Tánh Đức. Dao động bất thường bèn trái nghịch với Tánh Đức. Do vậy, ngay cả các nhà khoa học cũng bảo những tiên đoán về năm 2012 chẳng đáng sợ.... Họ nói [tai nạn ấy] đáng lý là một lời cảnh giác cao độ đối với toàn thể nhân loại trên địa cầu, là một cơ hội tốt để [con người] sửa đổi chính mình. Sửa bằng cách nào? Phải đoạn ác tu thiện, phải cải tà quy chánh,

phải đoan chánh thân tâm, [được như vậy thì] nhân loại sẽ đưa địa cầu này tiến tới một cảnh giới tốt đẹp hơn. Đó là chuyện tốt đẹp, nói rất có lý, giống như cách nói của Phật pháp. Nếu không sửa đổi, phiền phức sẽ xảy đến, tai nạn ngày càng nghiêm trọng. Ý niệm nào là ý niệm tốt nhất? Hiện thời, các vị đồng học đều biết: Đọc tụng kinh Vô Lượng Thọ là ý niệm tốt nhất, “*nhớ Phật, niệm Phật*” là ý niệm tốt nhất, mọi người chúng ta cùng chia sẻ, báo cáo tâm đắc khi học kinh Vô Lượng Thọ là ý niệm tốt nhất. Mật độ tai nạn đúng là ngày càng nhiều, ngày càng nghiêm trọng, chúng tôi nỗ lực báo cáo tâm đắc khi học tập bộ kinh này với mọi người, chia sẻ cùng mọi người. Tôi hy vọng tới tháng Sáu hoặc tháng Bảy năm sau sẽ giảng hoàn tất kinh này. Vì thế, mỗi ngày phải giảng thêm hai tiếng đồng hồ, mỗi ngày giảng bốn tiếng đồng hồ chắc sẽ giảng hết, đây là việc cần thiết phải làm. Đối với tuổi tác của tôi hiện thời, giảng bốn giờ chẳng thành vấn đề, phải giảm bớt việc thù tạc, hy vọng quý vị nghe kinh nhiều hơn, tụng kinh nhiều hơn, bớt đến thăm tôi. Đến thăm tôi thì sao? Tôi mệt, mà quý vị cũng mệt, hai bên đều mệt. Có thêm một chút giờ giấc để nghỉ ngơi, dưỡng thần; nghe kinh nhiều hơn, niệm Phật nhiều hơn thì mới nên, như vậy thì chúng ta mới là thật sự chăm sóc, thật sự quan tâm, hỗ trợ hợp tác lẫn nhau.

Tiếp đó, lão cư sĩ trích một câu trong kinh Tam Khải, “*Cổ Tam Khải Kinh vân: - Tương phó Diêm Ma vương, tùy nghiệp nhi thọ báo. Thắng nhân sanh thiện đạo, ác nghiệp đọa Nê Lê*” (Vị vậy, kinh Tam Khải⁴ nói: “Giao cho vua Diêm Ma, theo nghiệp mà thọ báo. Nhân thù thắng thì sanh vào đường lành, ác nghiệp đọa Nê Lê”). Chúng ta phải ghi nhớ bài kệ này. “*Tương phó Diêm Ma vương*” tức là dắt người tạo tội đi, dắt tới đâu? Dắt tới chỗ vua Diêm La, cho vua Diêm La trị tội và phán xét kẻ đó. Nếu họ có thiện tâm, thiện hạnh, vua Diêm La sẽ đưa họ đến cõi lành, trong Phật pháp gọi [các cõi lành ấy] là ba thiện đạo. Nếu tâm hạnh của họ đều chẳng thiện, sẽ đưa họ đến địa ngục. Bốn câu kệ này chẳng phải nhằm dọa dẫm người khác, mà là sự thật, chúng ta chớ nên xem thường nó. Bốn câu kệ ấy nói rõ sự nghiệp của vua Diêm La, đây là sự nghiệp của Ngài. Kế tiếp là giới thiệu kèm thêm: “*Hựu dịch Song Vương*” ([Diêm Ma Vương] còn được dịch là Song Vương), “*dịch*” (譯) là phiên dịch, vua Diêm La còn được dịch thành Song Vương, vì sao? “*Huynh cập muội giai tác địa ngục vương, huynh trị nam sự, muội lý nữ sự, cố viết Song Vương*” (vì anh và em gái cùng làm vua địa ngục. Anh xem đàn ông, em xem đàn bà, nên gọi là Song Vương), kinh Phật có nói như vậy. Nam hay nữ đều là vua Diêm Ma, đều là bình đẳng, đâu có nói nam nữ không bình đẳng! Đây là nam nữ bình đẳng, thật sự bình đẳng. Vua Diêm La nam thì xem đàn ông, nữ thì xem đàn bà, nên gọi là Song Vương.

⁴ Đây là tên gọi khác của Phật Thuyết Vô Thường Kinh, do ngài Nghĩa Tịnh dịch vào đời Đường. Đầu kinh và cuối kinh có bài tán thán Tam Bảo của Mã Minh Bồ Tát, cũng như thuyết minh ý nghĩa kinh. Do vậy, nhìn vào cấu trúc bài kinh này, dường như có ba đoạn, nên gọi là Tam Khải. Theo Nam Hải Ký Quy Truyện, tăng đồ Ấn Độ thườ ấy dùng kinh này làm kinh nhật tụng.

“*Diêm Ma La giới giả, tức thủ vương chi quản giới*” (Diêm Ma La Giới là cõi vua Diêm La cai quản). Chữ “*giới*” (界) có nghĩa là phạm vi, là phạm vi cai quản của họ. Luận Câu Xá chép: “*Diêm Ma vương quốc, ư thủ Thiệm Bộ châu hạ, quá ngũ bách du-thiện-na*” (Cõi nước vua Diêm Ma: Ở phía dưới Thiệm Bộ châu chừng năm trăm du-thiện-na), du-thiện-na (yojana) tức là do-tuần, hơn năm trăm do-tuần “*hữu Diêm Ma vương quốc, tung quang lượng diệc nhĩ, từng thủ triển chuyển, tán cư dư xứ*” (có vương quốc Diêm Ma. Cõi nước có kích thước cũng cỡ đó, lần lượt thay phiên nhau mà trụ. Hễ cõi này tan hoại thì dời qua cõi khác). Chỗ làm việc chủ yếu của họ là ở dưới lòng đất đại địa. Chúng ta đều biết phía dưới đại địa là lõi địa cầu. Lõi địa cầu là một biển lửa; do vậy, địa ngục được gọi là “tám địa ngục nóng”, đó là chỗ ở và cũng là chỗ Ngài làm việc. “*Tung quang lượng diệc nhĩ*” nghĩa là [kích thước ngang dọc] cũng giống như vậy. “*Từng thủ triển chuyển, tán cư dư xứ*”, “*dư xứ*” (những chỗ khác) giống như trong phẩm Địa Ngục của kinh Trường A Hàm có nói: “*Diêm Phù Đề Nam, Đại Kim Cang sơn nội, hữu Diêm La vương cung, vương sở trị xứ, tung quang lục thiên do-tuần*” (Phía Nam châu Diêm Phù Đề, trong núi Đại Kim Cang có cung vua Diêm La là chỗ vua Diêm La cai trị, ngang dọc sáu ngàn do-tuần). Dường như bao gồm toàn thể địa cầu, toàn bộ trái đất đều thuộc phạm vi cai quản của Ngài. Do đó, trong phần trước có nói: Địa ngục ở trong biển cả, trong núi cao, trong rừng cây, trong hang động, và cũng ở trên hư không, chỗ nào cũng có. Nói theo thuật ngữ khoa học hiện thời, sẽ là “kích thước không gian khác nhau”, chúng ta có thể tin tưởng hiện tượng này.

Địa ngục là như vậy, thật ra, cõi nào cũng chẳng phải là ngoại lệ, chỉ là kích thước không gian khác nhau mà thôi! Nếu một ngày nào đó, chắc chắn là có ngày ấy, chúng ta có khả năng đột phá các chiều không gian, trong Phật pháp có nói điều này, khi tâm địa thanh tịnh thì các chiều không gian [khác biệt] chẳng còn tồn tại nữa. Các chiều không gian do đâu mà có? Các khoa học gia biết đích thực là có chuyện này, nhưng chẳng biết nó từ đâu mà có. Đức Phật biết, Ngài biết nguyên do rành rẽ: Đó là do phân biệt và chấp trước biến hiện. Chúng ta có tâm phân biệt, có tâm chấp trước, bèn có các chiều không gian. Nếu buông phân biệt, chấp trước xuống, các chiều không gian khác biệt sẽ chẳng còn nữa. Lúc đó, quý vị sẽ thấy hoàn toàn. Vì lẽ đó, mỗi pháp giới trong mười pháp giới đều chứa đựng hết thảy vũ trụ. Kinh Phật giảng rất thấu triệt: Một sợi lông hoặc một vi trần là vật nhỏ nhất, trong đó chứa đựng trọn khắp pháp giới hư không giới, tất cả hết thảy thông tin đều được chứa trong đó. Mỗi vi trần, mỗi sợi lông đều là như vậy. Quý vị thấy: Đó chẳng phải là “*một tức là hết thảy, hết thảy tức là một*” hay sao? Kinh Hoa Nghiêm đã nói chuyện này, thật sự đã nói thấu triệt, rõ ràng như vậy. Kinh luận Đại Thừa đã nói, đúng là đã nói chân thật: “*Tức tại đương hạ*” (chính ngay trong lúc này), tức là hiện tiền, chẳng có quá khứ, chẳng có vị lai, cũng chẳng có thế giới này hay thế giới phương khác! Sống ngay trong giây phút hiện tại, giây phút hiện tại chính là nhất niệm!

Tiếp đó, giải thích tam ác đạo là gì? “*Tam ác đạo hựu danh tam ác thú*” (Ba đường ác còn gọi là tam ác thú), “*thú*” là thú hướng (趣向: hướng về, hướng đến). Thú và Đạo có ý nghĩa giống nhau. “*Hựu danh tam đồ, vị nhất thiết chúng sanh tạo ác sở sanh chi xứ; cố danh ác đạo*” (còn gọi là tam đồ, là chỗ sanh về của hết thảy chúng sanh tạo nghiệp, nên gọi là “ác đạo”), tại sao gọi là ác đạo? Hết thảy chúng sanh tạo ác sẽ sanh về chỗ ấy. Do các sự ác chiêu cảm, nên gọi là “*ác thú*”. Do các điều thiện chiêu cảm, nên gọi là “*thiện thú*”, đó là cõi trời. Cõi người là nơi thiện ác hỗn tạp, nửa ác, nửa thiện. Nếu tâm hạnh của chúng ta thiện nhiều, ác ít, sẽ sanh lên cõi trời. “*Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh tam đạo, danh tam ác đạo*” (ba đường địa ngục, ngạ quỷ, và súc sanh gọi là tam ác đạo). Phẩm Phương Tiện của kinh Pháp Hoa có câu: “*Dĩ chư dục nhân duyên, đọa tam ác đạo* (Do nhân duyên các dục, đọa lạc tam ác đạo), “*cái vị chúng sanh, như nội hữu tham cầu dục lạc chi niệm thị vi nhân, ngoại phan duyên dục cảnh*” (nghĩa là: Nếu chúng sanh trong tâm có ý niệm tham cầu dục lạc làm nhân, ngoài vin nắm dục cảnh), tức là cảnh giới ngũ dục lục trần, dục cảnh là gì? Đức Phật dạy: Đó là tiền tài, sắc đẹp, tiếng tăm, ăn uống, ngủ nghỉ, “*thị vi duyên, dĩ thử nhân duyên khởi niệm tạo ác, chung đọa ác đạo*” (để làm duyên, thì do nhân duyên ấy sẽ khởi niệm tạo ác; cuối cùng sẽ đọa ác đạo). Cuối cùng, quý vị nhất định đọa trong ác đạo vì quý vị có nhân, có duyên. Tổ tiên người Trung Quốc thật ra cũng rất phi thường, tôi cảm thấy họ chẳng phải là phạm nhân, chẳng phải phạm phu. Vào thời thượng cổ, Phật giáo chưa truyền đến Trung Quốc, quý vị phải biết: Khi Phật giáo chánh thức truyền tới Trung Quốc dưới thời Hán Minh Đế, vào năm Vĩnh Bình thứ mười, tức năm 67 Công Nguyên, do quốc gia phái đặc sứ chánh thức lễ thỉnh [các cao tăng] đến Trung Quốc. Trước năm 67, [ở Trung Quốc] có [Phật pháp] hay không? Chắc chắn là có, nhưng chưa phải là chánh thức. “[Phật pháp] chưa chánh thức” có thể đã bắt đầu hiện diện [tại Trung Hoa] vào khoảng giữa đời Châu; những người từ Ấn Độ đến Trung Quốc du lịch hoặc buôn bán, chắc chắn cũng đem [Phật pháp] đến Trung Quốc. Lúc đó, [Phật giáo đồ] số lượng ít, ảnh hưởng không lớn.

Quý vị thấy người Trung Quốc giảng về triết lý tánh mạng qua ba cương lĩnh được nói trong phần đầu của sách Đại Học. “*Đại Học chi đạo*”, “*đại*” là đại nhân, đại nhân là gì? Là thánh nhân. “*Đại Học chi đạo*” chính là đạo học của thánh nhân “*tại minh minh đức, tại thân dân, tại chí u chí thiện*” (ở chỗ làm sáng tỏ Minh Đức, ở chỗ thân ái hết thảy người dân, đạt đến mức tốt lành tột cùng). Chúng ta dùng giáo nghĩa của kinh Hoa Nghiêm để giải thích ba cương lĩnh ấy. Kinh Hoa Nghiêm nói về Thê, Tướng, Dụng, đó là ba cương lĩnh của pháp Đại Thừa, dùng ba chữ “*Đại Phương Quảng*” (大方廣) làm đại biểu. Đại (大) là Thê, Minh Đức là Thê, Thân Dân là Tướng, Thân Dân là gì? Thân (親) là thân ái, yêu mến hết thảy chúng sanh, có ý nghĩa như vậy. Quảng (廣) là nói về Dụng, Dụng là gì? “*Chí u chí thiện*” (止於至善). Ba câu này rất phù hợp với Đại Phương Quảng, là tổng cương lĩnh, là nguyên tắc chung để giáo hóa chúng sanh của thánh nhân, của Phật, Bồ Tát. Minh Đức là Tánh Thê, [tức là] Lý Thê của Tự Tánh.

Thân Dân là tướng mạo, là hình dáng của Tự Tánh. “*Chỉ u chí thiện*” là Đức Dụng của Tự Tánh. Nhập môn từ chỗ nào? Làm thế nào để viên mãn? Làm thế nào để viên mãn “*chỉ u chí thiện*”? Đây là tác dụng. Tám cương mục tiếp đó sẽ nói rõ, bắt đầu từ Cách Vật (格物). Vật được nói ở đây là dục vọng, tức Vật Dục (ham muốn vật chất), [Cách Vật là] phải buông bỏ Vật Dục. Vật Dục chẳng tốt, là ô nhiễm, là bất thiện. Buông xuống những gì? Trong mấy chục năm dạy học, chúng tôi thường nói “*buông xuống tự tư, tự lợi, buông xuống tiếng tăm, lợi dưỡng, buông xuống tham, sân, si, mạn*”, đó là Cách Vật. Chúng tôi dùng Phật pháp để giải thích thì mọi người sẽ dễ hiểu.

Khi đã Cách Vật, trí huệ sẽ hiện tiền, [tức là] đã Trí Tri! Trí Tri (致知) là gì? Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, điều thứ ba trong Tam Phước có nói “*phát Bồ Đề tâm*”, Bồ Đề là gì? Là giác ngộ, chẳng còn mê hoặc nữa, đã thật sự giác ngộ. Người thật sự giác ngộ, chắc chắn sẽ “*tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa*”, trí huệ mở mang. “*Khuyến tấn hành giả*”: Không chỉ thành tựu chính mình, mà còn phải giáo hóa kẻ khác. Thích Ca Mâu Ni Phật giác ngộ, sau khi đã giác ngộ, suốt đời theo đuổi việc dạy học. Bốn câu ấy chính là Trí Tri. Đã Trí Tri thì Ý Thành, [nghĩa là] ý niệm chân thành bèn hiện hữu. Thành (誠) là gì? Một vọng niệm cũng chẳng có. Trong Cầu Khuyết Trai Bút Ký, ông Tăng Quốc Phiên đã giải thích và định nghĩa chữ Thành trong Chân Thành, lão nhân gia định nghĩa chữ Thành giống như cách nói trong kinh Phật: “*Một niệm chẳng sanh gọi là Thành*”. Ý thành thì tâm sẽ chánh, tâm chẳng lệch lạc, không tà vạy, chẳng nhiễm, chẳng tịnh, Phật pháp gọi đó là Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Đế. Đó là gì? Là cái Dụng của Tâm, tâm khởi tác dụng. Thể của Tâm là gì? Thể của Tâm là Thành Ý. Thành Ý khởi tác dụng tức là “*nhị biên bất lập, Trung Đạo bất tồn*” (Hai bên chẳng lập, Trung Đạo không còn), mới có thể “*chỉ u chí thiện*”. Hiệu quả của “*chỉ u chí thiện*” là “*thân tu, gia tề, quốc trị, thiên hạ bình*”. Có thiện tâm thiện hạnh thì vua Diêm La đưa quý vị tới thiện đạo. Do vậy, tam ác đạo chính là “*tự tư tự lợi, tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, tham, sân, si mạn*”. Buông bỏ những thứ này sẽ là thiện đạo, là trở về tự tánh.

“*Thử chương cụ nhị nguyện*” (chương này nêu lên hai nguyện). Kinh văn trong chương này có hai nguyện là “*quốc vô ác đạo nguyện, cập bất đọa ác thú nguyện*” (nguyện cõi nước chẳng có ác đạo và nguyện chẳng đọa trong đường ác). Đây là chương thứ nhất. “*Thử sở cú*” (mấy câu đầu) là nói chung, bốn câu mở đầu, “*chỉ văn ý vi: Ngã nhược chứng đắc Như Lai Quả Giác, thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, tức dĩ cứu cánh thành Phật, thị thời ngã sở trụ trì chi Phật độ, cụ túc vô lượng bất khả tư nghị công đức trang nghiêm*” (ý của kinh văn là: Nếu tôi chứng đắc Như Lai Quả Giác, thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác tức là đã rốt ráo thành Phật, thì ngay khi ấy, trong cõi Phật mà tôi trụ trì, sẽ có đầy đủ vô lượng công đức trang nghiêm chẳng thể nghĩ bàn). Đây là ý nghĩa của kinh văn, cụ Hoàng dùng văn Bạch Thoại để giải thích, chúng ta đọc thấy rất dễ hiểu. “*Di thượng sở cú*” ([Kinh văn] dùng mấy câu

trên đây), bốn câu ấy, “*tổng biểu Cực Lạc thế giới chi vi diệu thù thắng, cố ư đệ nhất nguyện thủ tuyên thuyết chi*” (để diễn tả một cách tổng quát những sự vi diệu thù thắng của thế giới Cực Lạc. Vì vậy, những câu ấy được tuyên nói ở đầu nguyện thứ nhất). Phần mở đầu của nguyện thứ nhất nói rõ sự vi diệu thù thắng trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nói thật ra, cõi Cực Lạc là nơi thực hiện ba cương lĩnh đã nói trong sách Đại Học, Tam Cương Bát Mục đều được thực hiện trọn hết. Người Trung Quốc gọi thế giới Cực Lạc là “*đại đồng chi trị*”. Trong cảnh giới đó, mọi sự đều viên mãn, chẳng có mảy may khiếm khuyết. Nhân dân khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác đều tùy thuận Tánh Đức. Tánh Đức như người Trung Quốc đã nói, [chính là] Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức, hết thảy đều được áp dụng trong đời sống hằng ngày, quý vị đã thấy, đã thấu hiểu: Những thứ ấy tương ứng với Tánh Đức. Đây là cảnh giới thánh hiền, là xã hội thánh hiền, là nền chánh trị của thánh hiền.

Con người toàn là bậc thánh hiền, sự vật toàn là sự vật thánh hiền, cảnh giới là cảnh giới thánh hiền. Người đời sau vô cùng hâm mộ, ngưỡng mộ, hy vọng có thể thực hiện. Có thể làm được hay không? Có thể! Dùng phương pháp gì? Dùng dạy học. Chánh phủ Trung Quốc chánh thức thiết lập quan chức chăm sóc việc giáo học. Vào thời vua Nghiêu đã lập ra một quan chức trông nom giáo dục là Tư Đồ (司徒), đó là danh xưng của một chức quan. Tư Đồ trông nom việc gì? Trông nom giáo dục, giống như Bộ Trưởng Bộ Giáo Dục hiện nay. Họ dạy gì? Dạy Ngũ Luân, Bát Đức. Chúng ta thấy trong chương thứ nhất sách Ngũ Chung Di Quy của tiên sinh Trần Hoàng Mưu đã nói về chuyện này, nói về sự khởi đầu của nền giáo dục Trung Quốc, rất hay! Trung Quốc tiếp nhận sự giáo dục của thánh hiền quân tử suốt mấy ngàn năm nay, nên nước này trải qua lịch sử mấy ngàn năm vẫn còn có thể tồn tại. Trong bốn nền văn minh cổ xưa trên thế giới, ba quốc gia khác đã chẳng tồn tại, vì sao? Họ bỏ quên nền giáo dục thánh hiền, nên mới bị diệt vong. Người Trung Quốc xem trọng giáo dục thánh hiền, nên ngày nay vẫn còn đứng vững trên thế gian, chớ nên không biết chuyện này! Nếu không biết chuyện này, người Trung Quốc sẽ cảm thấy rất xấu hổ, chẳng biết những thứ quý báu của tổ tiên để lại, ngay cả người ngoại quốc còn biết mà!

Bốn câu ấy, “*dĩ hạ tắc phân tự tứ thập bát nguyện các các nội dung*” (kể đó, lần lượt trình bày nội dung của từng nguyện trong bốn mươi tám nguyện). Trong Khoa Phán, tôi gọi [những phần ấy] là Biệt Đề, gọi bốn câu trước là Tổng Thuyết (nói chung). Bốn mươi tám nguyện sau đó là Biệt Thuyết (nói riêng), báo cáo từng điều riêng rẽ.

“*Kỳ hạ đệ nhất nguyện viết: Vô hữu địa ngục, ngạ quỷ, cầm thú, quyền phi duyên động chi loại*” (tiếp theo đó là nguyện thứ nhất: “*Chẳng có địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, cầm thú, các loài ngọ nguậy, bay lượn, bò trườn*”), đây là nói đến tam ác đạo. “*Nãi quốc trung vô hữu tam ác đạo nguyện, thử chánh biểu Di Đà đại bi tâm thiết, cố thủ lưỡng nguyện duy nguyện chúng sanh vô khổ, tam ác đạo nãi khổ trung chi cực dã*” (đó là nguyện “*cõi nước không có ác đạo*”. Nguyện này thật sự thể hiện đức Di Đà do tâm đại

bi thiết tha, nên ngay trong hai nguyện đầu đã chỉ mong chúng sanh không khổ. Sự khổ trong ba ác đạo là nỗi khổ nặng nề nhất). Ở đây đã nêu hết sức rõ ràng: Đức Phật tạo ra cõi Cực Lạc, vô cùng từ bi, thương yêu hết thảy chúng sanh, khiến cho chúng ta cảm ân, cảm động. Quý vị thấy trong quan niệm của Ngài, khế nhập từ chỗ nào? “Chúng sanh khổ nhất, hết thảy chúng sanh sanh về cõi nước của tôi sẽ không phải chịu khổ nữa!” Trong cõi nước của Ngài, không có tam ác đạo. Trong kinh Hoa Nghiêm, chúng ta đọc phẩm Hoa Tạng Thế Giới và phẩm Thế Giới Thành Trụ, hai phẩm ấy giới thiệu thế giới to lớn trong vũ trụ, các khoa học hiện thời gọi [cách nhìn ấy] là Vũ Trụ Vĩ Mô. Kinh nói rất rõ ràng, vũ trụ do đâu mà có? Khởi nguyên của vũ trụ là gì? Hiện thời, phần kinh văn ấy được gọi là “khoa học cao cấp”. Không chỉ là triết học cao cấp, mà còn là khoa học cao cấp.

Nhiều thế giới, nhiều cõi nước chư Phật đều có lục đạo luân hồi. Có nơi nào hoàn toàn là Tịnh Độ hay không? Có chứ! Không nhiều! Vũ trụ quả thật quá lớn, do vậy, cũng không thể nói [Tịnh Độ] là thiểu số. Đó là Báo Độ của chư Phật, Bồ Tát, trong đó không có mười pháp giới, trong kinh gọi [các cõi ấy] là “thanh tịnh quốc độ”. Cũng có cõi nước chỉ có tứ thánh pháp giới, chứ không có lục đạo luân hồi. Do đây biết rằng: Nếu nói theo cách hiện thời, giáo dục thánh hiền ở thế giới đó rất phát triển. Vì vậy, cư dân ở đó đều được giáo dục rất tốt, tâm hạnh đều đoan chánh, chẳng có ác niệm, nên ở đó không có ác đạo. Tây Phương Cực Lạc thế giới do A Di Đà Phật từ bi vô hạn tạo lập dành cho chúng sanh khổ nạn, thậm chí kiến lập cho chúng sanh trong tam ác đạo, nên nó có lục đạo; nhưng chúng sanh từ tam ác đạo sanh về cõi Cực Lạc, quả báo thấp nhất cũng là được làm thân người, chẳng phải là súc sanh, dĩ nhiên chẳng phải là ác quỷ, địa ngục, điều này thật phi thường! Do đó, thế giới Cực Lạc không có lục đạo, chỉ có tam đạo, [tức là] có ba thiện đạo, chẳng có tam ác đạo. Thế giới Cực Lạc còn có một đặc điểm nữa, bốn cõi [Tịnh Độ] ở đó đều bình đẳng, đây là điểm không thể tìm được trong các cõi nước chư Phật khác. Trọn pháp giới, hư không giới đều chẳng có, chỉ riêng cõi Cực Lạc là như vậy. Bình đẳng như thế nào? Bốn cõi bình đẳng, cõi Thường Tịch Quang, cõi Thật Báo Trang Nghiêm, cõi Phương Tiện Hữu Dư, cõi Phạm Thánh Đồng Cư, có bốn cõi rõ ràng, nhưng chư Bồ Tát ở đó đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát, đều bình đẳng. Đây là cảnh giới thù thắng vi diệu cùng cực, chẳng thể nghĩ bàn.

Nếu chúng ta có Túc Mạng Thông, biết hạnh nghiệp chính mình đã tạo trong đời quá khứ, biết những quả báo chính mình đã hứng chịu, chúng ta sẽ thật sự giác ngộ, sẽ không dám làm nữa, mệt quá rồi, rất đáng thương! Tạo nghiệp sanh tử luân hồi trong lục đạo chẳng có ý nghĩa gì cả, mê hoặc, điên đảo, đối với chúng sanh oan oan tương báo chẳng bao giờ dứt, nhiều đời nhiều kiếp đều là như vậy! Đối với người giác ngộ thì chuyện này rất đáng thương. Vì thế, người thật sự giác ngộ sẽ không muốn làm [chuyện luân hồi] nữa. Đến nơi đâu? Các cõi nước chư Phật tuy thanh tịnh trang nghiêm, nhưng đòi hỏi điều kiện rất cao, không thể đến được. Điều kiện gì vậy? Phải đoạn phiền não! Đoạn Kiến Tư phiền não thì mới có thể sanh trong cõi Phương Tiện Hữu Dư, tức là từ

thánh pháp giới. Mấy ai có thể đoạn Kiến Tư phiền não? Chúng ta đừng nói mức cao lắm, chỉ nói mức thấp nhất, Tiểu Thừa Sơ Quả là mức thấp nhất, ví như lớp Một của Tiểu Học. [Sơ Quả Tiểu Thừa] đòi hỏi điều kiện là phải buông xuống những cách nhìn sai lầm đối với vũ trụ và nhân sinh. Cách nhìn sai lầm rất nhiều, trước hết, phải bắt đầu từ những chỗ nghiêm trọng nhất. Thứ nhất là quan niệm có thân thể, chúng sanh trong lục đạo đều chấp trước thân thể này là Ta, nên họ không thể thoát khỏi lục đạo luân hồi. Vì sao có lục đạo? Vì chấp trước thân hình này là Ta, đây là một nhân tố chủ yếu của lục đạo luân hồi, chỉ cần có chấp trước ấy, chắc chắn quý vị chẳng thể thoát nổi, đó là chuyện phiền phức. Sơ Quả Tiểu Thừa đã hiểu rõ, nên các Ngài không còn chấp trước nữa. Tuy không chấp trước, nhưng họ chưa đoạn dứt tập khí, vẫn còn tập khí sót lại, nên vẫn chưa thoát khỏi lục đạo luân hồi, phải đạt đến Tứ Quả thì mới thoát khỏi lục đạo luân hồi. Sơ Quả Tu Đà Hoàn, Nhị Quả Tư Đà Hàm, Tam Quả A Na Hàm đều chẳng thoát khỏi lục đạo; nhưng đạt tới A Na Hàm thì đã thoát khỏi Dục Giới, trong lục đạo, các Ngài chẳng sanh trong Dục Giới nữa, chỉ ở trong các cõi trời thuộc Sắc Giới, trụ trong Tứ Thiên, tức Đệ Tứ Thiên của Sắc Giới Thiên. Người thông minh lợi căn từ Sơ Thiên bèn có thể vượt khỏi lục đạo. Nếu căn tánh kém hơn, phải trải qua Tứ Không Thiên, tu Tứ Không Định đến tầng cao nhất là Phi Phi Tướng Xứ Thiên, lại tăng cao hơn nữa, bèn vượt khỏi lục đạo, quý vị nghĩ xem, quá khó! Chúng ta tu học, hiểu rõ đạo lý này, sẽ biết phải tu như thế nào. Niệm Phật cũng đã biết niệm, đừng chấp trước cái thân là chính mình! Thân là giả, bất cứ lúc nào cũng có thể buông bỏ. Thân chẳng phải là ta, thân [là vật] thuộc về ta, thân chẳng phải là Ta, giống như quần áo, đây là quần áo của tôi, chẳng phải là tôi. Quan niệm này rất quan trọng.

Quan niệm, tức cách nhìn sai lầm thứ nhì là Biên Kiến, tức là “đổi lập”. Quý vị có ưa thích, có chán ghét. Những gì mình ưa thích sẽ không chịu chia sẻ với người khác; những gì mình chán ghét bèn chẳng chịu ở chung với họ, đó là đổi lập nặng nề, là chuyện phiền phức! Quý vị thấy đức Phật xếp nó vào tầng thứ hai, [có nghĩa là] chuyện này quan trọng lắm, chỉ thua chấp trước thân thể mà thôi, đó là Biên Kiến, phiền phức lắm! Phải tu hành như thế nào, đặc biệt là đối với những người mình chán ghét nhất? Lúc trước, tôi ở Đài Loan, hoặc ở Mỹ, có các đồng tu đến hỏi tôi về vấn đề này, phải làm sao? Tôi bảo họ, hãy lập một bài vị Trường Sanh ghi tên người mà họ ghét nhất, không ưa nhất. Trong nhà quý vị chẳng phải là có thờ tượng Phật ư? Hãy đặt bài vị đó cạnh tượng Phật, mỗi ngày lạy Phật xong, hướng về bài vị, lạy người đó ba lạy, [làm như vậy sẽ dần dần] hóa giải [sự đổi lập] ấy. Có nhiều người thật sự làm, có hiệu quả, [sự chán ghét ấy] giảm bớt rất nhiều. Có người lạy hết hai, ba năm, nhưng mỗi lần nhắc tới [kẻ đó] thì trong tâm vẫn còn ghét, “vậy thì tôi phải làm sao?” Tôi nói: Công phu của quý vị còn chưa đủ, hãy nỗ lực tiếp tục lạy. Oan gia hãy nên giải, đừng nên kết. Đối xử với hết thầy chúng sanh, hãy giữ tâm cung kính, hãy giữ tâm cảm ơn. Tại sao phải cảm ơn? Hết thầy chúng sanh từng giờ từng phút đều nhắc nhở chúng ta, nhắc nhở gì vậy? Nhắc nhở chúng ta giáo dục nhân quả, họ đang biểu diễn. Quý vị thấy kẻ đó làm lành, đạt

được thiện báo; làm ác mắc ác báo, đều là biểu diễn cho chúng ta thấy “*nhân quả báo ứng tơ hào chẳng sai*”. Đó là đại ân đại đức đối với chúng ta, rốt cuộc chúng ta thấy rõ ràng, hiểu rành rẽ. Sau khi thật sự hiểu rõ, quý vị nhất định sẽ đoạn ác, tu thiện, đã có trí huệ. “Đoạn ác tu thiện, chẳng có phân biệt, chấp trước” là mức cao hơn, là Bồ Tát. Dứt ác mà không chấp trước tướng dứt ác, tu thiện mà không chấp trước tướng tu thiện, chuyện ấy thường được nói là “*xem trọng thực chất, không xem trọng hình thức, không chấp tướng*”. Không chấp tướng là Bồ Tát, hễ còn chấp trước thì là phàm phu. Chớ nên không hiểu đạo lý này.

Vì vậy, nếu quý vị quan sát cận kề thì hết thấy sự việc, ở mọi chỗ, trong mọi lúc đều đang dạy chúng ta, chúng ta đang được giáo dục. Giáo dục gì vậy? Giáo dục của Phật, giáo dục của Bồ Tát, năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài Đồng Tử nhằm dạy chuyện này, quý vị thật sự học sẽ thật sự giác ngộ. Thật sự đã hiểu thì quý vị mới hiểu một câu trong kinh Phật: “*Hết thấy chúng sanh vốn là Phật*”. Họ đang thị hiện, đều nhằm dạy ta. Vậy thì xin chúc mừng quý vị, trong đời này, quý vị sẽ thành Phật rất nhanh, vì sao? Quý vị đã thấy Phật. Hết thấy chúng sanh đều là Phật, đều đang biểu diễn cho chúng ta xem, đều đang dạy chúng ta; họ chẳng dạy bằng lời nói, mà dạy bằng hành động, làm sao không cảm ân cho được! Thiện Tài đồng tử có thể thành tựu trong một đời là vì đạo lý này: Đối với hết thấy chúng sanh đều “*luyến đức lễ từ*”, “*luyến*” (戀) nghĩa là cảm kích. Họ biểu diễn mọi thứ cho ta xem, có ân đức với ta, ta phải cảm kích họ. “*Lễ*” (禮) là cung kính đối với họ, “*từ*” (辭) là không học theo họ. Họ làm ác, ta không bắt chước; họ làm thiện, ta bắt chước theo, nhưng không chấp trước. Nói cách khác, chẳng có mảy may ý niệm danh lợi gì hết. Cổ nhân có hai câu rất hay, [câu thứ nhất là] “*vi thiện mạc cận danh*”, [nghĩa là] quý vị làm việc thiện chẳng cần nổi danh. Hễ nổi danh là hỏng rồi! [Câu thứ hai là đối với] chuyện làm việc ác thì “*mạc cận hình*”, [ý nói] có thể làm việc ác, nhưng không thể làm việc phạm pháp, phải giữ vững [nguyên tắc này]. Do đó thiện và ác đều có phạm vi “*không thể đến gần*”, [nghĩa là] thiện không thể gần gũi cái danh, ác không thể tiếp cận chuyện phạm pháp, dạy quý vị giữ nơi Trung Đạo. Người giữ Trung Đạo là người có phước.

Tiếp đó, sách Chú Giải viết: “*Mật Giáo trung viết: ‘Đại bi vi căn, Bồ Đề vi nhân, phương tiện vi cứu cánh’*. Hựu Hoa Nghiêm Kinh Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm viết: ‘*Chư Phật Như Lai dĩ đại bi tâm nhi vi Thể cố*’. Cố nguyện quốc trung vĩnh vô ác thú” (Trong Mật giáo có nói: “Đại bi làm căn, Bồ Đề làm nhân, phương tiện làm cứu cánh”. Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên của kinh Hoa Nghiêm cũng nói: “Chư Phật Như Lai lấy tâm đại bi làm Thể”, nên Phật nguyện trong nước Ngài vĩnh viễn chẳng có đường ác). Những câu này hình dung tâm đại bi thiết tha của A Di Đà Phật, tâm đại bi thương xót hết thấy chúng sanh trong ác đạo. Ngài tạo phương tiện cho chúng ta, phương tiện là cứu cánh. Bồ Tát có thể xả mình vì người, siêng dạy chúng sanh, chẳng mệt, chẳng chán, sức mạnh gì thúc đẩy các Ngài? Người trong thế gian nỗ lực hết lòng làm việc,

động lực gì thúc đẩy họ? Danh lợi thúc đẩy! Có danh, có lợi, quý vị sẽ làm hết mình. Nếu không có danh lợi, quý vị sẽ không làm. Sau khi Trung Quốc cải cách, mở cửa, nhân dân cần mẫn, phấn khởi [làm việc]. Trước kia, chúng tôi ở nước ngoài nghe thấy, có không ít người đã đến Trung Quốc, khi trở về, họ nói như thế nào? Họ nói: “Dân Trung Quốc biếng nhác nhất thế giới! Họ chẳng làm việc, chẳng chịu làm việc, vô cùng tiêu cực”. Đó là gì? Lúc đó người dân sống theo kiểu công xã, chẳng có danh lợi, quý vị làm nhiều hơn thì cũng hưởng bấy nhiêu, quý vị không làm thì cũng hưởng bấy nhiêu, do đó, ai cũng không chịu làm. Sau cải cách, làm được bao nhiêu đều là của chính mình, nên ai cũng ra sức làm việc trời chết, làm cả ngày lẫn đêm, đó không phải là một chứng minh cụ thể cho [sự thúc đẩy của danh lợi] hay sao? Phật, Bồ Tát chẳng cần gì hết, tại sao các Ngài lại làm hết mình như vậy? Vì tâm từ bi, là bi tâm. Do đó, động lực này còn mạnh mẽ hơn động lực của danh lợi rất nhiều. [Vì danh lợi] thì lợi nhuận không còn, sẽ không làm việc; nhưng tâm từ bi thì các Ngài chẳng thể không có, tâm ấy vĩnh hằng bất diệt. Do tâm từ bi thúc đẩy, nên các Ngài vĩnh viễn không nghỉ ngơi, vĩnh viễn không ngưng nghỉ. Trong thế gian, không thể tìm động lực nào có thể sánh bằng tâm từ bi ấy, tìm không ra! Do đó, người không học Phật thấy dường như những người học Phật tinh tấn ngàn ấy, họ không có danh, mà cũng chẳng có lợi, tại sao lại khờ như vậy? Thật ra, họ chẳng khờ tí nào, đó là vì tâm từ bi của họ lưu lộ, họ đang tu Bồ Tát hạnh, chẳng kỳ lạ, hiếm hoi chút nào! Chúng ta chớ nên không biết điều này.

Bồ Đề là nhân, Bồ Đề là giác, chẳng còn mê hoặc. Quý vị thấy đó: Đại bi là gốc rễ, bi tâm thúc đẩy quý vị, có trí huệ sẽ không có phiền não, đó là Bồ Đề. Phương tiện: Phương (方) là phương pháp, Tiệm (便) là phương pháp vô cùng thích đáng. Phương tiện chẳng có nhất định, hết thấy đều do đối tượng, do thời điểm, do sự việc, do nhiều thứ khác nhau, nhưng nói chung đều gom về “*chỉ u chí thiện*”. Làm đến mức tốt nhất, viên mãn nhất thì phương tiện mới có thể thực hiện được, chẳng phải [chỉ] là một phương pháp [có định]. Do đó, nhà Phật thường thêm hai chữ “*thiện xảo*” (善巧: khéo léo) sau chữ “*phương tiện*”. [Nói việc gì đó] vô cùng tốt lành, vô cùng khéo léo, việc đó làm được viên mãn dường ấy thì mới gọi là “*cứu cánh*” (究竟: rốt ráo). Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện cũng nói như vậy “*chư Phật Như Lai dĩ đại bi tâm nhi vi Thế*” (Chư Phật Như Lai dùng tâm đại bi làm Thế), chỉ rõ A Di Đà Phật lúc tu nhân, tức là tỳ-kheo Pháp Tạng, kiến lập thế giới Cực Lạc, dũng mãnh tinh tấn là do nguyên nhân gì? Đại bi, Bồ Đề, phương tiện khéo léo. Đích thực là rất giống với ý nghĩa “*minh đức, thân dân, chỉ u chí thiện*” được nói trong sách Đại Học. “*Chỉ u chí thiện*” nghĩa là dùng phương tiện để đạt đến cứu cánh, “*thân dân*” là dùng Bồ Đề làm nhân, “*minh đức*” là dùng đại bi làm gốc rễ. Ba cương lĩnh ấy (minh đức, thân dân, chỉ u chí thiện) là bản tánh của hết thấy chúng sanh. Tam Tụng Kinh nói: “*Nhân chi sơ, tánh bốn thiện*” (con người lúc ban đầu tánh vốn thiện), ba cương lĩnh ấy chính là tánh vốn lành, mỗi người đều có. Tại sao nay chúng ta không có? Vì đã mê mất tự tánh, tức là mê mất ba cương lĩnh ấy, chúng ta mê mất “*minh đức, thân dân, chí thiện*”. Minh Đức biến thành vô

minh, chẳng sáng suốt, hồ đồ, chẳng hiểu rõ. Thân Dân biến thành phiền não; vốn là trí huệ, Bồ Đề biến thành phiền não. Phương tiện thiện xảo biến thành tạo nghiệp; tạo hết thấy ác nghiệp, điên đảo mất rồi, đảo ngược một trăm tám mươi độ. Đó là phàm phu, phải xoay trở lại thì mới là thánh nhân, Phật, Bồ Tát. Đây là nguyện thứ nhất, nguyện “*cõi nước không có ác đạo*”.

Lại xem nguyện thứ nhì: “*Bất đạo ác thú nguyện, hoặc viết bất cánh ác thú nguyện*” (Nguyện chẳng đọa vào đường ác, hoặc còn gọi là nguyện chẳng đọa đường ác lần nữa), tức là nguyện chẳng còn đọa trong ác đạo. “*Vi đệ nhị nguyện. Thử thừa đệ nhất nguyện nhi ngôn, ngã quốc bất đản vô tam ác đạo, thậm chí u tùng Diêm Ma La giới*” (là nguyện thứ hai. Nguyện này thừa tiếp ý nghĩa trong nguyện thứ nhất: Cõi ta không chỉ chẳng có ba đường ác, mà thậm chí từ cõi vua Diêm La), từ cõi vua Diêm La sanh về, tức là đến từ cõi địa ngục, “*đẳng ác đạo trung, lai sanh ngã quốc chi nhất thiết chúng sanh, thọ Phật chi giáo hóa*” (hết thấy các chúng sanh từ các nẻo ác v.v... sanh về cõi ta, nhận lãnh sự giáo hóa của Phật), câu này vô cùng quan trọng, “*bất đản vĩnh bất cánh nhập ác thú, tịnh tất giai thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề*” (thì không chỉ vĩnh viễn chẳng bị sanh vào ác đạo lần nữa, mà còn đều thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác), tuyệt diệu thay! Đây thật sự là dùng phương tiện để thực hiện cứu cánh, phương tiện khéo léo đạt đến rốt ráo chính là “*chỉ u chí thiện*”. Dùng kinh Phật để giải thích những đạo lý của Nho gia sẽ giảng rất thấu triệt. Dùng Phật giáo để giải thích một cương lĩnh do Nho gia đưa ra, sẽ giảng giải rõ ràng, rành rẽ, thấu triệt, chúng ta sẽ giác ngộ. Do đó, Tiến Sĩ Thang Ân Tỷ (Arnold Joseph Toynbee) từng nói: “*Tâm lượng của cổ nhân Trung Quốc rất lớn, có thể bao dung văn hóa của dị tộc*”, [văn hóa dị tộc] chính là Phật giáo”. Phật giáo chẳng phải là văn hóa bản địa của Trung Quốc, mà là văn hóa nước ngoài. Phật giáo truyền đến Trung Quốc, người Trung Quốc bao dung, hấp thụ, và học tập Phật giáo. Nhờ đó, Phật giáo phong phú hóa nền văn hóa vốn sẵn có của Trung Quốc. Chúng ta dùng những điều này để giảng giải Tứ Thư, Ngũ Kinh, sẽ nói rất có ý vị, thật sự giảng giải thấu triệt. Do đó, Phật giáo có công hiến rất lớn đối với nền văn hóa truyền thống của Trung Quốc, quá to lớn. Văn hóa Trung Quốc vĩnh viễn không thể tách lìa Phật giáo. Quý vị thấy “*chỉ u chí thiện*” được thể hiện ở chỗ này.

Thậm chí những chúng sanh đến từ ác đạo, đến từ chỗ vua Diêm La, chúng ta biết, vua Diêm La cai quản rất nhiều địa ngục, rất phức tạp. Bất luận từ địa ngục nào thoát ra, nếu gặp gỡ chúng sanh hữu duyên, chúng ta có thể lý giải chuyện này, các chúng sanh đọa trong ác đạo ấy, trong đời quá khứ đã từng học Phật, nếu họ không học Phật, sẽ chẳng có cái nhân này, người khác chẳng thể giúp họ được. Người nào giúp họ? Nhân vật tiêu biểu là Địa Tạng Bồ Tát. Chư vị phải biết: Địa Tạng Bồ Tát chẳng phải là một người. Phàm những ai tu pháp môn Địa Tạng, phát nguyện vào trong ác đạo giáo hóa chúng sanh, đều gọi là Địa Tạng Bồ Tát. Do đó, Địa Tạng Bồ Tát là một danh hiệu chung, có rất nhiều người mang danh hiệu này. Người phát nguyện học theo Địa Tạng

Bồ Tát rất nhiều, tâm rất từ bi, tâm rất hiếu thảo, người như vậy có duyên với Địa Tạng Bồ Tát, ở trong các địa ngục khác nhau, trong các phần trước đã nói [về địa ngục] rất nhiều, họ ở trong đó giáo hóa những người hữu duyên. Hữu duyên, có duyên với Bồ Tát thì trong A Lại Da Thức đã có chủng tử Phật pháp, họ chịu khổ trong địa ngục, đau khổ đến cùng cực, người ấy khuyên họ niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, họ nghe xong, liền thật sự niệm A Di Đà Phật, thật sự phát tâm cầu sanh Tịnh Độ, thật sự vãng sanh. Quý vị thấy đó: Nhanh ngàn ấy, chỉ trong vòng một niệm! Người có nghiệp chướng rất nặng, nhắc nhở một lần, họ đã nghe, nhưng vì quá khổ, nên chưa cảm nhận được, còn chưa tiếp nhận được, vậy thì phải tiếp tục chịu khổ, đến lúc cơ duyên thích hợp, Bồ Tát sẽ nhắc họ một lần nữa. Có người phải được nhắc nhở nhiều lần mới giác ngộ, vừa giác ngộ liền thoát ra. Thọ mạng trong địa ngục rất dài, rất dài là như thế nào? Người không gặp duyên sẽ rất dài; nếu gặp những duyên này, sẽ thoát khỏi rất nhanh. Từ địa ngục có thể trực tiếp vãng sanh Cực Lạc thế giới, quý vị thấy pháp môn này thù thắng biết bao!

Chúng sanh cõi địa ngục còn vãng sanh dễ dàng ngàn ấy, huống hồ nhân gian! Nhân gian khó [vãng sanh] nhất, vì sao không thể vãng sanh? Do chính mình tự tạo, tự mình nghĩ hoàn cảnh trước mắt hãy còn khá lắm, còn tốt đẹp lắm, tham luyến hoàn cảnh ấy, chẳng nỡ lìa bỏ, đó là ngu si! Vì lẽ đó, quý vị niệm Phật không có cảm ứng, niệm Phật mà chẳng thể tức khắc vãng sanh. Tại sao phải đọc kinh cho nhiều? Tại sao phải nghe giảng kinh cho nhiều? Dụng ý ở chỗ nào? Dụng ý là muốn làm cho quý vị có thể buông xuống, muốn cho quý vị thật sự hiểu rõ hết thấy mọi sự mọi vật trên thế giới này đều là hư vọng. Người xưa có nói hai câu rất hay: “*Sanh không đem theo đến, chết chẳng mang theo đi*”. Hai câu ấy rất có lý! Lúc quý vị tới đầu thai, chẳng mang gì đến. Trong tương lai, lúc quý vị chết đi, chẳng mang một thứ nào theo được! Nói với quý vị “tất cả đều là giả, toàn là để cho quý vị tạm thời nhìn thấy, quý vị chấp trước làm chi!” Mục đích thật sự của nghe kinh là ở chỗ này! Nếu quý vị đã hiểu rõ ràng, hiểu rành rẽ, có thể không cần nghe kinh nữa. Cứ thật thà niệm một câu A Di Đà Phật là được rồi. Nếu chưa buông xuống được thì không thể chẳng nghe kinh, vì sao? Quý vị còn chưa hiểu rõ ràng. Thật sự đã hiểu rõ, chẳng bao giờ không chịu buông xuống, chẳng cần người khác khuyên bảo, sẽ tự động buông xuống. Một khi buông xuống, cảm ứng sẽ hiện ra, “*một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”, chẳng thể không buông xuống!

Chúng sanh từ ác đạo đến, được đức Phật giáo hóa. Câu này quan trọng, họ sanh về thế giới Cực Lạc, hằng ngày học hành trong thế giới Cực Lạc. Quý vị hãy tra duyệt kinh điển, cuộc sống hằng ngày của người trong thế giới Cực Lạc là làm chuyện gì? Trong thế giới ấy chẳng có sĩ, nông, công, thương. Thế giới Cực Lạc chẳng có các ngành nghề như trong thế giới này. Quý vị thấy đó, tra duyệt trọn bản kinh điển này, đây là đại kinh bậc nhất của Tịnh Tông, [sẽ thấy kinh] chẳng nói bên đó có mua bán, làm quan, hoặc làm bất cứ nghề nghiệp nào, đều chẳng thấy nói! Nếu có, đương nhiên [kinh Vô Lượng Thọ] sẽ nói, trong bốn mươi tám đại nguyện nhất định sẽ nói, nhưng chẳng có!

Vì vậy, thế giới Cực Lạc chỉ có hai hạng người: Một là thầy, hai là trò. Trừ hai hạng người ấy ra, chẳng có hạng thứ ba! Thế giới Cực Lạc chẳng có tổ chức chánh trị, chẳng có hình thức quốc gia, chẳng có quốc vương, chẳng có thiên vương, mà cũng chẳng có Tổng Thống, cũng chưa nghe nói thế giới Cực Lạc có quốc gia, chẳng có! Chẳng có gia đình! Có Bồ Tát, A La Hán, đều là học trò. Phật là thầy, hằng ngày dạy học, hằng ngày lên lớp. Không chỉ nghe A Di Đà Phật giảng dạy, mỗi ngày nghe A Di Đà Phật giảng kinh, dạy học, mà đồng thời còn nghe mười phương chư Phật giáo hóa. Sanh về bên đó đều có thần thông. Mười phương vô lượng vô biên thế giới, mỗi thế giới đều có Phật giáo hóa chúng sanh. Những người ấy có bản lãnh, chẳng rời khỏi A Di Đà Phật, đang nghe kinh dưới tòa của A Di Đà Phật, mà phân thành vô lượng vô biên thân, trong vũ trụ có bao nhiêu thế giới, họ đều có thể phân thành bấy nhiêu thân, mỗi phân thân đến thân cận một vị Phật.

Thân cận Phật là cúng dường, cúng dường là vun bồi phước, nghe pháp là vun bồi trí huệ, phước huệ song tu! Đến thế giới Cực Lạc tu phước tu huệ thù thắng lắm! Mỗi ngày quý vị tu được bao nhiêu phước huệ? Ở thế giới này, tu ức vạn năm cũng chẳng bằng tu một ngày trong thế giới Cực Lạc. Chúng ta muốn tăng trưởng phước huệ mỗi ngày thì đến thế giới Cực Lạc mới thật sự tăng trưởng phước huệ. Tăng trưởng phước huệ trong thế giới này chẳng phải là chuyện dễ! Trong thế giới này, tăng trưởng phiền não dễ dàng, tăng trưởng phước huệ rất khó khăn. Thật sự muốn phước huệ viên mãn, hãy mau chóng đến thế giới Cực Lạc, đúng như vậy, chẳng giả! Do vậy, quý vị thấy đó: Tiếp nhận sự giáo hóa của Phật, không chỉ là vĩnh viễn chẳng còn đọa ác đạo. Chỉ có một ngoại lệ, họ vào ác đạo để độ chúng sanh trong ác đạo có duyên với họ. Do có cảm, nên họ hiện thân Bồ Tát, hoặc hiện thân Phật vào trong ác đạo nhằm hóa độ chúng sanh. Vào ác đạo không phải để chịu tội, mà là Phật, Bồ Tát chẳng có nơi nào không hiện thân. Nơi nào có cảm, bèn có ứng nơi đó. Vì vậy, hết thầy đều thành Phật, và đều thành tựu A-Nậu-Đa-La Tam-Miêu Tam-Bồ-Đề, tức Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đó là cứu cánh, đó là “*chỉ u chí thiện*”, chẳng có gì cao hơn, đúng là “*chỉ u chí thiện*”.

“*Tịnh Độ Luận Chú viết: Phật sở đắc pháp, danh vi A Nậu Đa La Tam Miêu Tam Bồ Đề*” (Tịnh Độ Luận Chú ghi: “Pháp do đức Phật đạt được gọi là A Nậu Đa La Tam Miêu Tam Bồ Đề”), đây là chú giải cho chúng ta, nhằm giải thích A-Nậu-Đa-La Tam-Miêu Tam-Bồ-Đề là gì? Từ ngữ này là tiếng Phạn, tức ngôn ngữ của Cổ Ấn Độ. “*Hựu Pháp Hoa Huyền Tán viết*” (Pháp Hoa Huyền Tán lại ghi), [sách ấy] giải thích “*A vân Vô*”, [nghĩa là] chữ A trong tiếng Phạn có nghĩa là Vô (không), tức là chữ Vô trong từ ngữ “Hữu Vô” (Có, Không), “*Nậu-Đa-La*” nghĩa là Thượng. Hợp lại là vô thượng. “*Tam*” nghĩa là Chánh, “*Miêu*” nghĩa là Đẳng. Sau đó lại có một chữ “*Tam*” nghĩa là Chánh, “*Bồ Đề*” dịch sang nghĩa tiếng Hán là Giác. Do đó, dịch hoàn toàn sang tiếng Hán sẽ là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, tiếng Phạn gọi là A-Nậu-Đa-La Tam-Miêu Tam-Bồ-Đề. Có thể hoàn toàn phiên dịch từ ngữ ấy, vì sao lại không phiên dịch? Trong quá khứ, dịch kinh có một thể lệ, thể lệ ấy chính là “*do tôn trọng, nên không*

phiên dịch”. Học Phật thì rốt cuộc là quý vị cầu gì? Cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chẳng cầu gì khác. Trong đó, tuyệt đối không có tiếng tăm, lợi dưỡng, tôi chỉ cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đây là mục đích cao nhất của người học Phật, tức là “*chỉ u chí thiện*” như sách Đại Học đã nói. Chí Thiện chính là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Do đó, đây là pháp bậc nhất trong nhà Phật, vì tôn trọng nên không dịch nghĩa, chỉ dịch âm, thật ra là có thể dịch, nhưng do tôn trọng không dịch. Sách Pháp Hoa Huyền Tán giải thích rõ ràng như vậy khiến cho chúng ta hiểu rõ. Hôm nay đã hết thời gian, chúng ta học tập tới đây mà thôi.